

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 30

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là “ Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Hải Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty Cổ phần Hải Minh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi đến lần thứ 10 số 0302525162 vào ngày 21 tháng 01 năm 2010.

- **Vốn điều lệ:** 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng).

Số lượng cổ phiếu: 10.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động chính**

Địa chỉ : Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-08) 3943 5447

Fax : (84-08) 3943 5466

Mã số thuế : 0 3 0 2 5 2 5 1 6 2

Mã chứng khoán: **HMH**

Địa chỉ và trụ sở các Công ty con và Công ty liên kết

Công ty con

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát

Địa chỉ : Tầng 2, khách sạn Việt Trung – số 103 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận An Hải, TP. Hải Phòng.

Mã số thuế : 0 2 0 0 8 2 2 4 1 6

Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng

Địa chỉ : Km 103 Đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại : 0 3 1 3 9 7 9 9 4 6

Mã số thuế : 0 2 0 0 8 5 9 0 0 7

Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam

Địa chỉ : Số 1 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 39.435.440

Fax : (84-8) 39.435.441

Mã số thuế : 0 3 0 3 9 0 1 7 3 3

Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh:

Địa chỉ : KM 0+200, Đường Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Thành Phố Hải Phòng

Mã số thuế : 0 2 0 1 2 4 2 4 6 4

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Công ty liên kết

Công ty TNHH "K" Line Việt Nam

Địa chỉ : 23 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Mã số thuế : 0102117575

Điện thoại : (84 4) 39 33 11 99

Fax : (84 4) 39 33 19 19

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh

Địa chỉ : Số 1 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84 - 08) 3826 7654

Fax : (84 - 08) 3943 5498

Mã số thuế : 0310316130

Công ty Cổ Phần Hàng Hải Hưng Phú

Địa chỉ : 21/4 Liên Phường, Phường Phú Hữu, Quận 9, TPHCM

Mã số thuế : 0311190956

- **Hoạt động chính của Công ty:** Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc:

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

STT Tên Thành viên

1. Ông Phùng Văn Quang
2. Ông Nguyễn Quốc Hùng
3. Ông Nguyễn Văn Hà
4. Ông Nguyễn Trung Kiên
5. Bà Nguyễn Mỹ Hải

Chức vụ

- Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Ban kiểm soát

1. Ông Nguyễn Thế Quân
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
3. Ông Triệu Đình Trung

- Trưởng ban kiểm soát
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

1. Ông Nguyễn Quốc Hùng
2. Ông Nguyễn Thế Hưng

- Giám đốc
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Tình hình tài chính, kết quả kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 30).

Sự kiện sau ngày kết thúc sau niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục

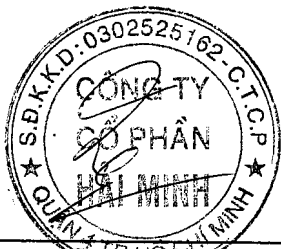
Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Công bố của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



NGUYỄN QUỐC HÙNG – Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2013

Số: 0096/2013/BCTC-KTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hải Minh gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2013, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Báo cáo trên đây chỉ chứa đựng các số liệu thông tin của Công ty Cổ phần Hải Minh, chưa bao gồm các số liệu hợp nhất từ các Công ty con.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hải Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2013



VÕ THẾ HOÀNG - Giám đốc điều hành
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV

VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

		Đơn vị tính: VND		
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		28.814.538.501	55.279.159.440
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.533.095.628	34.859.981.759
1. Tiền	111		1.033.095.628	2.859.981.759
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.500.000.000	32.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		800.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	800.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.3	13.372.873.122	19.623.466.805
1. Phải thu khách hàng	131		12.486.987.237	15.962.042.588
2. Trả trước cho người bán	132		25.000.000	2.298.811.668
3. Các khoản phải thu khác	135		860.885.885	1.362.612.549
IV. Hàng tồn kho	140		1.158.822.576	-
Hàng tồn kho	141		1.158.822.576	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		949.747.175	795.710.876
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	362.123.135	121.207.823
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		270.397.810	390.857.176
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	317.226.230	283.645.877
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		111.481.136.213	72.959.708.186
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		21.420.693.431	16.760.214.935
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	21.420.693.431	16.760.214.935
<i>Nguyên giá</i>	222		34.662.996.991	27.284.208.977
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(13.242.303.560)	(10.523.994.042)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		17.000.000	17.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(17.000.000)	(17.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		89.358.497.900	54.640.094.357
1. Đầu tư vào Công ty con	251	V.8	71.816.032.100	41.453.764.357
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	10.742.465.800	6.386.330.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	6.800.000.000	6.800.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		701.944.882	1.559.398.894
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	486.264.024	1.343.718.036
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	215.680.858	215.680.858
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		140.295.674.714	128.238.867.626

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		15.640.529.378	24.263.726.058
I. Nợ ngắn hạn	310		15.420.560.325	24.134.153.005
1. Phải trả người bán	312	V.14	12.206.576.114	16.001.995.603
2. Người mua trả tiền trước	313	V.14	-	5.589.260
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	959.656.131	2.067.459.859
4. Phải trả người lao động	315		51.158.870	432.869
5. Chi phí phải trả	316	V.14	31.818.182	16.450.000
6. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.013.486.145	5.544.093.465
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.15	555.366.126	97.186.826
8. Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	323	V.15	602.498.757	400.945.123
II. Nợ dài hạn	330		219.969.053	129.573.053
1. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	333	V.16	100.000.000	-
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		119.969.053	129.573.053
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		124.655.145.336	103.975.141.568
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	124.655.145.336	103.975.141.568
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		99.998.840.000	73.574.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.928.510.000	1.928.510.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(4.573.065.830)	(4.571.898.630)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		742.424.655	742.424.655
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.244.736.869	3.037.050.069
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		22.313.699.642	29.264.095.474
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		140.295.674.714	128.238.867.626

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:			
- Dollar Mỹ (USD)		7.393,80	90.372,12
- Dollar Singapore (SGD)		-	402,50

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2013



NGUYỄN QUỐC HÙNG
Giám đốc

NGUYỄN THẾ HƯNG
Kế toán trưởng

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

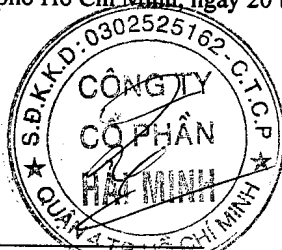
Năm 2012

(Có so sánh với số liệu năm 2011)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	37.256.681.242	34.539.770.800
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		37.256.681.242	34.539.770.800
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	24.989.784.319	23.822.213.166
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.266.896.923	10.717.557.634
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	27.776.436.176	26.761.464.758
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	14.143.398	196.133.034
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8 Chi phí quản lý kinh doanh	24	VI.5	4.810.159.374	4.634.086.913
9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.219.030.327	32.648.802.445
10 Thu nhập khác	31	VI.6	869.885.470	1.298.725.052
11 Chi phí khác	32	VI.6	530.353.849	206.834.603
12 Lợi nhuận khác	40	VI.6	339.531.621	1.091.890.449
13 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.558.561.948	33.740.692.894
14 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	VI.7	1.958.034.386	2.119.277.310
15 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>33.600.527.562</u>	<u>31.621.415.584</u>
<i>Trong đó</i>				
<i>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</i>			7.834.122	5.612.593
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>		VI.8	<u>4.289,00</u>	<u>5.634,01</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2013



NGUYỄN QUỐC HÙNG
Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		35.558.561.948	33.740.692.894
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.600.625.280	3.234.665.103
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(27.095.323)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(27.807.161.296)	(20.462.701.169)
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		11.352.025.932	16.485.561.505
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.806.563.605	(1.709.908.578)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.158.822.576)	-
- Giảm, tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(17.065.255.822)	8.418.578.023
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		616.538.700	(774.564.709)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.604.419.438)	(1.248.940.249)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		400.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(1.554.167.090)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(3.653.369.599)	19.616.558.902
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7.301.457.625)	(2.383.930.104)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		495.454.546	1.220.000.000
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(30.361.985.400)	(5.643.581.857)
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	500.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.216.551.547	19.448.035.772
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(13.951.436.932)	13.140.523.811
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		3.569.380.000	-
- Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(1.167.200)	(2.670.377.835)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.290.292.400)	(19.619.092.929)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(4.722.079.600)	(22.289.470.764)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(22.326.886.131)	10.467.611.949
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		34.859.981.759	24.365.274.487
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	27.095.323
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	12.533.095.628	34.859.981.759

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2013



NGUYỄN QUỐC HÙNG

Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 09-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.
2. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại - Dịch vụ.
3. Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

4. Công ty con, Công ty liên kết

<u>Stt</u>	<u>Tên Công ty</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>
<u>Công ty con</u>		
1	Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	96,08%
2	Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	100%
3	Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	55,29%
4	Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	60,02%
<u>Công ty liên kết</u>		
1	Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	49,00%
2	Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	49,00%
3	Công ty Cổ Phần Hàng Hải Hưng Phú	40,00%

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 64 người.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm 2012 là năm tài chính thứ 11 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2011: 20.828 VND/USD

Ngày 31/12/2012: 20.828 VND/USD

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty liên kết hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền kiểm soát việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

4. Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

5. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào một Công ty mà phần góp vốn của Công ty chiếm dưới 20% vốn chủ sở hữu của Công ty đó.

6. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thi công mặt bằng và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá hai năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

14. Nguồn vốn kinh doanh - Các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty dùng để chi trợ cấp thôi việc, mất việc làm cho người lao động tại Công ty theo quy định hiện hành. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty được trích từ lợi nhuận sau thuế theo Biên bản họp Đại hội cổ đông ngày 16 tháng 01 năm 2006. Do đó, năm 2012 Công ty không xử lý hoàn nhập theo hướng dẫn tại Thông tư số: 180/2012-TT – BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ tài chính.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện xong và có xác nhận của khách hàng về dịch vụ đã thực hiện.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong kỳ.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	55.477.672	315.753.391
Tiền gửi ngân hàng	977.617.956	34.544.228.368
Các khoản tương đương tiền (*)	11.500.000.000	32.000.000.000
Cộng	12.533.095.628	34.859.981.759

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng lãi suất 9-13%/năm.

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi NH TMCP Hàng Hải (MSB) kỳ hạn 12 tháng

	800.000.000	-
Cộng (*)	800.000.000	-

(*) Khoản tiền gửi Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB) kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 9%/năm.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

Phải thu khách hàng	12.486.987.237	15.962.042.588
Trả trước cho người bán	25.000.000	2.298.811.668
Phải thu khác	860.885.885	1.362.612.549
Cộng	13.372.873.122	19.623.466.805

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí bảo hiểm	23.010.772	238.508.566	179.939.813	81.579.525
Chi phí sửa chữa, vỏ xe	80.705.384	307.162.343	215.505.367	172.362.360
Chi phí công cụ dụng cụ	17.491.667	19.635.000	28.945.417	8.181.250
Chi phí thuê nhà, mặt bằng	-	2.238.934.834	2.238.934.834	-
Chi phí phần mềm kế toán	-	87.000.000	87.000.000	-
Chi phí khác	-	131.818.182	31.818.182	100.000.000
Cộng	121.207.823	3.023.058.925	2.782.143.613	362.123.135

5. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	317.226.230	283.645.877
Cộng	317.226.230	283.645.877

6. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	27.006.454.504	277.754.473	27.284.208.977
2. Tăng trong năm	8.780.112.170	11.345.455	8.791.457.625
3. Giảm trong năm	1.412.669.611	-	1.412.669.611
4. Số cuối năm	34.373.897.063	289.099.928	34.662.996.991
II. Hao mòn lũy kế			
1. Số đầu năm	10.392.141.879	131.852.163	10.523.994.042
2. Tăng trong năm	3.527.811.228	72.814.052	3.600.625.280
3. Giảm trong năm	882.315.762	-	882.315.762
4. Số cuối năm	13.037.637.345	204.666.215	13.242.303.560
III. Giá trị còn lại			
1. Số đầu năm	16.614.312.625	145.902.310	16.760.214.935
2. Số cuối năm	21.336.259.718	84.433.713	21.420.693.431
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
1. Số đầu năm	941.733.810	68.765.109	1.010.498.919
2. Số cuối năm	2.354.403.421	68.765.109	2.423.168.530

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

Phần mềm máy vi tính	Tăng trong năm		Giảm trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	năm		
I. Nguyên giá	17.000.000	-	-	17.000.000
II. Hao mòn lũy kế	17.000.000	-	-	17.000.000
III. Giá trị còn lại	-	-	-	-

8. Đầu tư vào Công ty con

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	24.500.000.000	24.500.000.000
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	25.000.000.000	15.643.581.857
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	1.310.182.500	1.310.182.500
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	21.005.849.600	-
Cộng	71.816.032.100	41.453.764.357

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần vốn sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Giá trị (VND)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Thành phố Hải Phòng	96,08%	96,08%	24.500.000.000	Dịch vụ Tiếp vận
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng (*)	Thành phố Hải Phòng	100%	100%	25.000.000.000	Dịch vụ Tiếp vận
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	55,29%	55,29%	1.310.182.500	Dịch vụ Tiếp vận
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh (**)	Thành phố Hải Phòng	60,02%	60,02%	21.005.849.600	Dịch vụ Tiếp vận
Cộng				71.816.032.100	

(*) Trong năm 2012, Công ty đã đầu tư thêm vào Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng số tiền 9.356.418.143 VND, nâng tổng mức vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng từ 15.643.581.857 VND lên 25.000.000.000 VND.

(**) Trong năm 2012, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh số tiền 21.005.849.600 VND, trở thành khoản đầu tư vào Công ty con.

Thu nhập phát sinh từ các khoản đầu tư vào Công ty con được ghi nhận:

	Năm nay	Năm trước
Từ Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	5.614.819.083	2.673.528.370
Từ Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	4.864.105.820	3.480.495.664
Từ Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	172.999.614	250.000.000
Cộng	10.651.924.517	6.404.024.034

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Đầu tư vào Công ty liên kết

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	3.902.030.000	3.902.030.000
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	6.040.435.800	2.484.300.000
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	800.000.000	-
Cộng	10.742.465.800	6.386.330.000

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần vốn sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Giá trị (VND)	Hoạt động chính
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	Thành phố Hà Nội	49%	49%	3.902.030.000	Dịch vụ Tiếp vận
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	49%	49%	6.040.435.800	Dịch vụ Tiếp vận
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú(**)	Thành phố Hồ Chí Minh	40%	40%	800.000.000	Dịch vụ Tiếp vận
Cộng				10.742.465.800	

(*) Trong năm 2012, Công ty đã đầu tư thêm vào Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh số tiền 3.556.135.800 VND, nâng tổng mức vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh từ 2.484.300.000 VND lên 6.040.435.800 VND.

(**) Trong năm 2012, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú số tiền 800.000.000 VND.

Thu nhập phát sinh từ các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận:

	Năm nay	Năm trước
Từ Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	14.043.596.000	15.379.710.994
Cộng	14.043.596.000	15.379.710.994

10. Đầu tư dài hạn khác

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	1.800.000.000	1.800.000.000
Cộng	6.800.000.000	6.800.000.000

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần vốn sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Giá trị (VND)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Thành phố Hà Nội	4%	4%	5.000.000.000	Vận tải hàng hóa
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	Thành phố Hồ Chí Minh	10%	10%	1.800.000.000	Dịch vụ Tiếp vận
Cộng				6.800.000.000	

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập phát sinh từ các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	800.000.000	-
Cộng	800.000.000	-

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí sửa chữa	90.800.797	73.666.670	106.558.886	57.908.581
Chi phí thiết kế văn phòng	88.989.296	-	88.989.296	-
Chi phí công cụ dụng cụ	60.569.191	-	-	60.569.191
Chi phí thi công mặt bằng bãi Rạch Chiếc	1.103.358.752	-	735.572.500	367.786.252
Cộng	1.343.718.036	73.666.670	931.120.682	486.264.024

12. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ thuê văn phòng	215.680.858	215.680.858
Cộng	215.680.858	215.680.858

13. Thuế và các khoản phải nộp khác

Stt	Chỉ tiêu	<u>Số còn phải nộp đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số còn phải nộp cuối năm</u>
I.	Thuế	2.021.443.221	4.546.710.149	5.660.650.190	907.503.180
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.953.948.372	2.123.363.324	3.604.419.438	472.892.258
3.	Các loại thuế khác	67.494.849	2.423.346.825	2.056.230.752	434.610.922
	<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>17.746.899</i>	<i>1.751.904.493</i>	<i>1.386.363.479</i>	<i>383.287.913</i>
	<i>Thuế nhà Thuế</i>	<i>49.747.950</i>	<i>668.442.332</i>	<i>666.867.273</i>	<i>51.323.009</i>
	<i>Thuế môn bài</i>	-	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>	-
II.	Các khoản phải nộp khác	46.016.638	667.810.382	661.674.069	52.152.951
	Các khoản khác	46.016.638	667.810.382	661.674.069	52.152.951
	Tổng cộng	2.067.459.859	5.214.520.531	6.322.324.259	959.656.131

• Thuế giá trị gia tăng

- Công ty áp dụng Luật thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.
- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất áp dụng : 10% dịch vụ trong nước
0% dịch vụ cước vận tải quốc tế

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**
(Xem thuyết minh số VI.7)
- **Các loại thuế khác**
Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

14. Các khoản phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	12.206.576.114	16.001.995.603
Người mua trả tiền trước	-	5.589.260
Chi phí phải trả	31.818.182	16.450.000
Phải trả khác	1.013.486.145	5.544.093.465
Cộng	13.251.880.441	21.568.128.328

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ phúc lợi	97.186.826	2.155.767.300	1.697.588.000	555.366.126
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	400.945.123	6.020.200.935	5.818.647.301	602.498.757
Cộng	498.131.949	8.175.968.235	7.516.235.301	1.157.864.883

16. Phải trả, phải nộp dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	100.000.000	-
Cộng	100.000.000	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

17. Vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	56.163.800.000	19.339.670.000	(1.901.520.795)	742.424.655	1.880.650.069	20.730.972.819	96.955.996.748
Tăng vốn trong năm trước	17.411.160.000	-	-	-	-	-	17.411.160.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	31.621.415.584	31.621.415.584
Tăng khác	-	-	(2.670.377.835)	-	-	-	(2.670.377.835)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(19.619.092.929)	(19.619.092.929)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.156.400.000	(3.469.200.000)	(2.312.800.000)
Giảm khác	-	(17.411.160.000)	-	-	-	-	(17.411.160.000)
Số dư cuối năm trước	73.574.960.000	1.928.510.000	(4.571.898.630)	742.424.655	3.037.050.069	29.264.095.474	103.975.141.568
Số dư đầu năm nay	73.574.960.000	1.928.510.000	(4.571.898.630)	742.424.655	3.037.050.069	29.264.095.474	103.975.141.568
Tăng vốn trong năm nay	26.423.880.000	-	-	-	-	-	26.423.880.000
Lãi trong năm kỳ	-	-	-	-	-	33.600.527.562	33.600.527.562
Tăng khác	-	-	(1.167.200)	-	-	-	(1.167.200)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(31.144.792.400)	(31.144.792.400)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.207.686.800	(9.240.699.035)	(8.033.012.235)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(165.431.959)	(165.431.959)
Số dư cuối năm nay	99.998.840.000	1.928.510.000	(4.573.065.830)	742.424.655	4.244.736.869	22.313.699.642	124.655.145.336

Việc phân phối quỹ căn cứ vào Biên bản họp Đại hội Cổ Đông thường niên năm 2012 ngày 25 tháng 03 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chi tiêu	Tỷ lệ	Số tiền
Chi trả cổ tức năm 2011	Chi trả 20% cổ tức ưu đãi Năm 2011 cho TTK Global Resources Ptd, Ltd	355.180.000
Quỹ dự phòng tài chính	3% LN hợp nhất	1.207.686.800
Quỹ khen thưởng phúc lợi	5% LN hợp nhất	2.012.811.300
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	5% LN hợp nhất	2.012.811.300
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	10% phần LN vượt trong 5 năm nhiệm kỳ 2007-2011	4.007.389.635
Chi trả cổ tức năm 2012	Chi trả cổ tức năm 2012 bằng 32% số cổ phần	22.854.500.000
Cộng		32.450.379.035

Mức trích lập như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Hội đồng quản trị Công ty công bố chia một phần lợi nhuận chưa phân phối của Công ty với số tiền là 32.450.379.035 VND (năm 2011: 23.088.292.929 VND). Trong kỳ, Công ty đã thanh toán cho TTKGlobal Resources Ptd, Ltd số lợi nhuận là: 355.180.000 VND.

Ngoài ra, Công ty thực hiện chia 32% cổ phần cho các cổ đông trích từ lợi nhuận sau thuế theo quyết định số: 03/2012/HĐQT của Hội đồng quản trị với số tiền là 22.854.500.000 VND.

1. Cổ phiếu

Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.142.396	5.616.380
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.142.396	5.438.790
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	177.590
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	116	215.100
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	116	215.100
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được bán ra	2.642.504	1.741.116
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.642.504	1.741.116
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.784.784	7.142.396
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.784.784	6.964.806
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	177.590

(*) Mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quý dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quý khen thưởng phúc lợi: Dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu: Dùng cho công tác khen thưởng của ban quản lý, điều hành Công ty.

2. Cổ tức

Trong năm nay, Công ty đã thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 32% CP được trích từ lợi nhuận sau thuế với tổng giá trị 22.854.500.000 VND theo quyết định số 03/2012/HĐQT của Hội đồng quản trị. Ngoài ra, Công ty tiến hành chia cổ tức bằng tiền mặt cho các Cổ đông với tổng số tiền 7.935.112.400 VND. Các cổ đông của Công ty sẽ phê duyệt mức cổ tức này tại Đại hội Cổ đông thường niên và Công ty đã kế toán khoản cổ tức được chia này vào Báo cáo tài chính năm nay.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu dịch vụ vận tải	12.215.658.115	14.069.635.454
Khai thác cảng	10.662.813.847	9.932.103.469
Dịch vụ đại lý	14.320.713.889	10.402.230.811
Doanh thu dịch vụ khác	57.495.391	135.801.066
Cộng	<u>37.256.681.242</u>	<u>34.539.770.800</u>

2. Giá vốn hàng bán

Vận tải đường sông	12.419.020.282	14.514.292.565
Khai thác cảng - Kiểm đếm, giao nhận	7.943.698.835	6.002.220.635
Dịch vụ đại lý	4.627.065.202	3.305.699.966
Cộng	<u>24.989.784.319</u>	<u>23.822.213.166</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi đầu tư từ Công ty liên kết	14.043.596.000	15.379.710.994
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.077.449.173	4.292.335.772
Chênh lệch tỷ giá thanh toán	203.466.486	685.380.458
Lãi đầu tư từ Công ty con	10.651.924.517	6.404.024.034
Lãi đầu tư từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	800.000.000	-
Khác	-	13.500
Cộng	<u>27.776.436.176</u>	<u>26.761.464.758</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chênh lệch tỷ giá thanh toán	14.143.398	149.956.554
Đầu tư chứng khoán	-	46.176.480
Cộng	<u>14.143.398</u>	<u>196.133.034</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	2.405.174.769	1.956.670.381
Chi phí vật liệu quản lý	87.240.000	87.147.750
Chi phí đồ dùng văn phòng	154.994.483	130.075.754
Chi phí khấu hao TSCĐ	175.392.836	174.304.494
Thuế, phí, lệ phí	40.140.763	43.690.075
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.612.866.385	1.918.289.867
Chi phí bằng tiền khác	334.350.138	323.908.592
Cộng	<u>4.810.159.374</u>	<u>4.634.086.913</u>

6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác

Thanh lý tài sản cố định	764.545.455	1.220.000.000
Thu khoản nợ không xác định được chủ nợ	105.152.509	78.725.052
Thu nhập khác	187.506	-
Thu nhập khác	<u>869.885.470</u>	<u>1.298.725.052</u>

Thanh lý tài sản cố định	530.353.849	205.334.603
Phạt chậm nộp thuế	-	1.500.000
Chi phí khác	<u>530.353.849</u>	<u>206.834.603</u>

Lợi nhuận từ hoạt động khác	<u>339.531.621</u>	<u>1.091.890.449</u>
------------------------------------	---------------------------	-----------------------------

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận trước thuế	<u>35.558.561.948</u>	<u>33.740.692.894</u>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(25.260.129.388)	(21.630.536.838)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	25.495.520.517	21.783.735.028
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	235.391.129	153.198.190
Thu nhập chịu thuế	<u>10.298.432.560</u>	<u>12.110.156.056</u>
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng	<u>2.574.608.140</u>	<u>3.027.539.014</u>
Thuế thu nhập được miễn giảm 30% theo Thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011	-	908.261.704

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập được miễn giảm 30% theo Thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012	616.573.754	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm tính trong năm	1.958.034.386	2.119.277.310
Bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước	165.328.938	-
Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	2.123.363.324	2.119.277.310

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2012, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 08 năm 2012 của Bộ Tài chính áp dụng đối với loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	7.142.396	5.308.590
Số lượng cổ phiếu bán ra trong năm	2.642.504	1.741.116
Số lượng cổ phiếu mua vào trong năm	116	130.200
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	7.834.122	5.612.593
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	33.600.527.562	31.621.415.584
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.289,00	5.634,01

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.403.416.782
Chi phí nhân công	10.129.052.375
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.600.625.280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.045.365.496
Chi phí khác bằng tiền	3.062.948.420
Cộng	29.241.408.353

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp	1.490.000.000	-
Tăng vốn từ việc chia cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 32% CP trích từ lợi nhuận sau thuế	22.854.500.000	-
Cộng	24.344.500.000	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam

Công ty con

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát

Công ty con

Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng

Công ty con

Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh

Công ty con

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh

Công ty liên kết

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) - "K" Line TP HCM

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú

Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</i>		
Phải trả tiền thuê phương tiện vận tải	6.797.480.000	390.378.500
Phải thu khoản lợi nhuận được chia từ LD Hoàng Nam	172.999.614	828.310.994
Doanh thu khai thác cảng	634.682.940	173.195.950
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>		
Doanh thu từ Công ty con Tiếp vận Nam Phát	5.614.819.083	2.673.528.370
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>		
Doanh thu từ Công ty con Hải Minh Hải Phòng	4.864.105.820	3.480.495.664
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	6.159.949.666	3.649.133.682
<i>Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) - "K" Line TP HCM</i>		
Doanh thu giao nhận (thu hộ SAMUDERA)	16.428.614.520	12.876.008.938
Nhận lợi nhuận năm 2011 từ liên doanh "K" Line	14.043.596.000	15.155.700.000
<i>Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	1.084.955.000	

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2012, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam		
Phải thu		
Phải trả	532.284.494	532.284.494
	1.636.330.000	70.806.500
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát		
Phải trả	-	2.368.680
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng		
Phải trả	194.332.500	116.612.000
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
Phải thu	1.299.393.800	264.908.200
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) - "K" Line TP HCM		
Phải thu	2.537.495.202	2.247.094.074
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú		
Phải thu	565.975.000	

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tiền lương và thù lao	7.102.757.535
Cộng	<u>7.102.757.535</u>

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ Tiếp vận và trong một khu vực địa lý là Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.6.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.533.095.628	34.859.981.759
Đầu tư tài chính ngắn hạn	800.000.000	-
Phải thu khách hàng	12.486.987.237	15.962.042.588
Các khoản phải thu khác	860.885.885	1.362.612.549
Đầu tư dài hạn khác	6.800.000.000	6.800.000.000
Ký quỹ dài hạn	215.680.858	215.680.858
Cộng	<u>33.696.649.608</u>	<u>59.200.317.754</u>
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	12.206.576.114	16.001.995.603
Chi phí phải trả	31.818.182	16.450.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.544.093.465	5.544.093.465
Các khoản phải trả dài hạn khác	100.000.000	-
Cộng	<u>17.882.487.761</u>	<u>21.562.539.068</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là thu tiền ngay, công nợ phải thu không đáng kể, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khoản phải thu khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Số 31/12/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả người bán	12.206.576.114	-	-	12.206.576.114
Chi phí phải trả	31.818.182	-	-	31.818.182
Các khoản phải trả khác	5.544.093.465	100.000.000	-	5.644.093.465
Cộng	17.782.487.761	100.000.000	-	17.882.487.761

Số 01/01/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả người bán	16.001.995.603	-	-	16.001.995.603
Chi phí phải trả	16.450.000	-	-	16.450.000
Các khoản phải trả khác	5.544.093.465	-	-	5.544.093.465
Cộng	21.562.539.068	-	-	21.562.539.068

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số 31/12/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.533.095.628	-	-	12.533.095.628
Đầu tư tài chính ngắn hạn	800.000.000	-	-	800.000.000
Phải thu khách hàng	12.486.987.237	-	-	12.486.987.237

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số 31/12/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Các khoản phải thu khác	860.885.885	-	-	860.885.885
Tài sản ngắn hạn khác	317.226.230	-	-	317.226.230
Đầu tư dài hạn khác	-	-	6.800.000.000	6.800.000.000
Ký quỹ dài hạn	-	215.680.858	-	215.680.858
Cộng	26.998.194.980	215.680.858	6.800.000.000	34.013.875.838

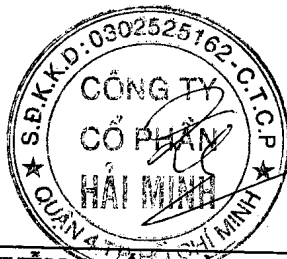
Số 01/01/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.859.981.759	-	-	34.859.981.759
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	15.962.042.588	-	-	15.962.042.588
Các khoản phải thu khác	1.362.612.549	-	-	1.362.612.549
Tài sản ngắn hạn khác	283.645.877	-	-	283.645.877
Đầu tư dài hạn khác	-	-	6.800.000.000	6.800.000.000
Ký quỹ dài hạn	-	215.680.858	-	215.680.858
Cộng	52.468.282.773	215.680.858	6.800.000.000	59.483.963.631

4. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm 2012 của Công ty được thể hiện theo số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Đất Việt.

Tp.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2013

**NGUYỄN QUỐC HÙNG**

Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG

Kế toán trưởng

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo